

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

Tổ Lịch sử

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

1. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC-KHỐI 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề	CHỦ ĐỀ 1. MỸ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 – 2000)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	1.Sự phát triển Kinh tế- khoa học kỹ thuật - Tìm hiểu về tình hình kinh tế Mỹ từ năm 1945 đến năm 1973? - Em hãy cho biết kết quả chung về kinh tế, đối ngoại của Tây Âu từ 1945-1950 2. Chính sách đối ngoại. - CS đối ngoại của Mỹ từ năm 1945 đến năm 1973? 3.Liên minh châu Âu (EU) - Phân tích vì sao tình trạng Brexit xảy ra? Và các hiệu ứng domino của nó ở châu Âu
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	HỌC SINH HOÀN THÀNH BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM ĐỂ CŨNG CỐ KIẾN THỨC âu 1. Tổng thống Truman khẳng định trước Quốc hội Mỹ, nguy cơ lớn đối với nước Mỹ là gì (năm 1947)? A. Ảnh hưởng của XHCN. B. Sự tồn tại của Liên Xô. C. Hi Lạp và Thổ Nhĩ kì. D. Sự tồn tại của các nước XHCN. Câu 2. Khoa học – kỹ thuật và công nghệ Nhật Bản chủ yếu tập trung trong lĩnh vực A. công nghiệp quốc phòng. B. công nghiệp vũ trụ. C. công nghiệp dân dụng. D. công nghệ hạt nhân.

Câu 3. Năm 1951, “Cộng đồng than - thép châu Âu” (ECSC) ra đời gồm 6 nước là

- A. Anh , Pháp, CHLB Đức, Italia, , Hà Lan, Lúcxămbua.
- B. Pháp, CHLB Đức, Italia, Áo, Hà Lan, Lúcxămbua.
- C. Pháp, CHLB Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lúcxămbua.
- D. Pháp, CHLB Đức, Italia, Hà Lan, Lúcxămbua, Tây Ban Nha.

Câu 4. Từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX, thế giới xuất hiện ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn là

- A. Mĩ - Nhật - Trung Quốc.
- B. Mĩ - Nhật - Liên bang Nga.
- C. Mĩ - Nhật – Tây Âu.
- D. Mĩ - Tây Âu - Trung Quốc.

Câu 5. Cơ sở để Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu, thực hiện tham vọng làm bá chủ thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. sự suy yếu của các nước tư bản châu Âu và Liên Xô.
- B. sự ủng hộ của các nước đồng minh.
- C. tiềm lực kinh tế và quân sự to lớn của Mĩ.
- D. phong trào cách mạng thế giới lắng xuống.

Câu 6. Nội dung nào sau đây **không** phải là mục tiêu trong chiến lược toàn cầu của Mĩ?

- A. Làm bá chủ toàn cầu.
- B. Tiêu diệt Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa.
- C. Khống chế các nước tư bản đồng minh.
- D. Giữ đỡ các nước tư bản và các nước khác.

Câu 7. Thập niên 70 của thế kỉ XX nền kinh tế Mĩ suy thoái nghiêm trọng do

- A. các nước Nhật Bản, Tây Âu cạnh tranh với Mĩ.
- B. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.
- C. các nước đồng minh không có khả năng trả nợ cho Mĩ.
- D. các nước Mĩ Latinh giành được độc lập nên không còn là thị trường tiêu thụ của Mĩ.

Câu 8. Nội dung nào sau đây **không** phải là mục tiêu trong chiến lược “Cam kết và mở rộng” của Mĩ?

- A. Bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
- B. Tăng cường khôi phục sức mạnh của nền kinh tế Mĩ.

C. Ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

D. Sử dụng ngọn cờ “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

Câu 9. Nhân tố khách quan giúp kinh tế Tây Âu phục hồi vào năm 1950 là

A. áp dụng hiệu quả các thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại.

B. hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu.

C. tận dụng tốt nguồn viện trợ của viện trợ của Mỹ.

D. nhập nguyên liệu từ thế giới thứ ba với giá rẻ.

Câu 10. Mỹ thực hiện “Kế hoạch Mác-san”, viện trợ kinh tế cho các nước Tây Âu vì

A. Mỹ muốn giúp các nước Tây Âu khôi phục kinh tế sau chiến tranh.

B. Mỹ muốn lôi kéo các nước Tây Âu vào liên minh chống Liên Xô và Đông Âu.

C. Mỹ muốn mở rộng thị trường sang Tây Âu.

D. Mỹ muốn tăng cường sức mạnh cho phe tư bản chủ nghĩa.

Câu 11. Nguyên nhân khách quan dẫn đến quá trình liên kết ở Tây Âu từ những năm 50 của thế kỷ XX là

A. Tây Âu muốn thoát khỏi sự khống chế của Mỹ.

B. Tây Âu bị cạnh tranh quyết liệt bởi Mỹ và Nhật Bản.

C. Liên Xô và các nước XHCN liên kết chặt chẽ cạnh tranh với Tây Âu.

D. Tây Âu muốn hợp tác liên minh để phát triển kinh tế.

Câu 12. Nội dung nào **không** phải là nguyên nhân khiến kinh tế các nước Tây Âu phát triển nhanh trong những năm 1950 – 1973 là

A. áp dụng thành công những thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại.

B. vai trò điều tiết, quản lý của nhà nước.

C. chi phí cho quốc phòng thấp, nên có điều kiện tập trung đầu tư cho kinh tế.

D. tận dụng tốt các cơ hội từ bên ngoài để phát triển.

Câu 13. Nhật Bản kí hiệp ước đồng ý cho Mỹ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ của mình là nhằm

- A.** tạo liên minh chống ảnh hưởng của Liên Xô.
- B.** tạo liên minh chống ảnh hưởng của Trung Quốc.
- C.** tranh thủ nguồn viện trợ của Mĩ và giảm chi phí quốc phòng.
- D.** tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc cải cách dân chủ.

Câu 14. Mục tiêu của Liên minh Châu Âu (EU) là

- A.** liên minh về kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại và an ninh.
- B.** liên minh về kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật.
- C.** liên minh về kinh tế, tiền tệ, khoa học kỹ thuật.
- D.** duy trì hoà bình an ninh khu vực.

Câu 15. Nhận xét chung về chính sách đối ngoại của Mĩ qua các đời Tổng thống từ năm 1945 đến năm 2000 là

- A.** hình thức thực hiện khác nhau, nhưng có cùng tham vọng muốn làm bá chủ thế giới.
- B.** tiến hành chạy đua vũ trang và chống lại các nước xã hội chủ nghĩa.
- C.** đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và khống chế các nước đồng minh.
- D.** tiến hành chiến tranh xâm lược và chống lại chủ nghĩa khủng bố.

Câu 16. Vì sao năm 1972 Mĩ thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Liên Xô?

- A.** Mĩ muốn bình thường hóa mối quan hệ với Trung Quốc và Liên Xô.
- B.** Mĩ muốn hòa hoãn với Trung Quốc và Liên Xô để chống lại phong trào giải phóng dân tộc.
- C.** Mĩ muốn thay đổi chính sách đối ngoại với các nước xã hội chủ nghĩa.
- D.** Mĩ muốn mở rộng các nước đồng minh để chống lại các nước thuộc địa.

Câu 17. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ sử dụng biện pháp chủ yếu nào để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác?

- A.** Dùng vũ lực để can thiệp vào tình hình các nước.
- B.** Dùng khẩu hiệu thúc đẩy dân chủ.
- C.** Sử dụng tiền đầu tư đồng thời gây sức ép.
- D.** Xem đồng minh là công cụ để thực hiện chiến lược toàn cầu.

Câu 18. Trong "Chiến lược cam kết và mở rộng" (từ thập niên 90 của thế kỷ XX), Mỹ sử dụng "Chiêu bài" gì để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác?

- A. tự do tín ngưỡng.
- B. ủng hộ độc lập dân tộc.
- C. thúc đẩy dân chủ.
- D. chống chủ nghĩa khủng bố.

Câu 19. Vì sao từ những năm 70 trở đi, mối quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô chuyển sang đối thoại và hòa hoãn?

- A. Cô lập phong trào giải phóng dân tộc.
- B. Địa vị kinh tế, chính trị của Mỹ và Liên Xô suy giảm.
- C. Kinh tế của Tây Âu và Nhật Bản vươn lên.
- D. Mỹ chấm dứt các cuộc chạy đua vũ trang.

Câu 20. Cộng đồng châu Âu (EC) chuyển thành liên minh châu Âu (EU) bắt đầu từ sự kiện các nước thành viên EC kí

- A. Hiệp ước Roma.
- B. Hiệp ước Maxtrich.
- C. Hiệp định Pari.
- D. Định ước Henxinki.

Câu 21. Liên minh châu Âu (EU) ra đời nhằm hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong các lĩnh vực

- A. kinh tế, tiền tệ, thương mại.
- B. kinh tế, tài chính, đối ngoại, quân sự.
- C. kinh tế, an ninh, đối ngoại, ngân hàng.
- D. kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại, an ninh.

Câu 22. Mỹ triển khai Chiến lược Toàn cầu, thực hiện tham vọng làm bá chủ thế giới dựa trên cơ sở nào?

- A. Sự suy yếu của các nước tư bản Tây Âu và Liên Xô.
- B. Sự ủng hộ của các nước đồng minh của Mỹ.
- C. Tiềm lực kinh tế và quân sự to lớn của Mỹ.
- D. Phong trào giải phóng dân tộc tạm lắng xuống.

Câu 23. Nội dung nào không phải mục tiêu của chiến "lược toàn cầu" của Mỹ?

- A. Ngăn chặn, tiến tới xóa bỏ CNXH trên thế giới.
- B. Đàn áp phong trào cách mạng thế giới.
- C. Tăng cường khôi phục sức mạnh của nền kinh tế Mỹ.
- D. Không chế, chi phối các nước đồng minh.

Câu 24. Nguyên nhân khách quan nào giúp kinh tế Tây Âu phục hồi sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Áp dụng hiệu quả các thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại.

B. Vai trò điều tiết, quản lý của nhà nước.

C. Sự viện trợ của Mỹ qua Kế hoạch Mác-san.

D. Các công ty, tập đoàn tư bản có sức sản xuất, cạnh tranh lớn.

Câu 25. Nguyên nhân cơ bản thúc đẩy nền kinh tế các nước Mỹ, Nhật Bản, Tây Âu phát triển là

A. áp dụng những thành tựu KHKT hiện đại vào trong sản xuất .

B. vai trò điều tiết, quản lý của nhà nước.

C. tận dụng tốt nguồn các cơ hội bên ngoài.

D. các công ty, tập đoàn tư bản có sức sản xuất, cạnh tranh lớn.

Câu 26. Biểu hiện rõ nhất sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản trong những năm 1960 – 1973 là

A. tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của Nhật cao nhất thế giới.

B. thu nhập bình quân đầu người cao nhất thế giới.

C. tỉ lệ mù chữ và thất nghiệp thấp nhất thế giới.

D. vươn lên hàng thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mỹ).

Câu 27. Để rút ngắn khoảng cách về sự phát triển KHKT với các nước tư bản khác, Nhật Bản đã

A. đầu tư nhiều cho các trung tâm nghiên cứu và ứng dụng.

B. cử sinh viên học tập và nghiên cứu ở nước ngoài.

C. mua bằng phát minh sáng chế và chuyển giao công nghệ.

D. coi trọng các môn khoa học tự nhiên và công nghệ ở trường phổ thông.

Câu 28. Nhân tố chủ quan hàng đầu đưa đến sự phát triển kinh tế Nhật Bản là

A. truyền thống lao động sáng tạo, cần cù, tiết kiệm của người dân Nhật.

B. trình độ quản lý vĩ mô của nhà nước Nhật.

C. sự năng động của và tầm nhìn xa của các công ty Nhật.

	<p>D. sự ứng dụng thành công các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất.</p> <p>Câu 29. Văn kiện đặt nền tảng cho quan hệ Mỹ – Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là</p> <p>A. văn kiện về vấn đề Nhật Bản tại Hội nghị Pôtxđam năm 1945.</p> <p>B. Hiến pháp Nhật Bản năm 1947.</p> <p>C. Hiệp ước hòa bình Xan Phranxixcô năm 1951.</p> <p>D. Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật năm 1951.</p> <p>Câu 30. Nền tảng chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ năm 1951 đến năm 2000 là</p> <p>A. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.</p> <p>B. Hướng về các nước châu Á.</p> <p>C. Hướng mạnh về Đông Nam Á.</p> <p>D. Cải thiện quan hệ với Liên Xô.</p> <p>Câu 31. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai Nhật có khó khăn gì mà các nước tư bản đồng minh khác không có?</p> <p>A. Bị chiến tranh tàn phá nặng nề.</p> <p>B. nghèo tài nguyên, thiếu lương thực.</p> <p>C. bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.</p> <p>D. Là nước bại trận, bị mất hết thuộc địa.</p> <p>Câu 32. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai Nhật đẩy nhanh sự phát triển của khoa học kỹ thuật bằng cách</p> <p>A. đầu tư nghiên cứu công nghệ mới.</p> <p>B. mua bằng phát minh sáng chế.</p> <p>C. mời các nhà khoa học giỏi đến Nhật làm việc.</p> <p>D. trọng dụng nhân tài.</p>
--	--

ĐỀ CƯƠNG HỌC TẬP

Chủ đề 1.

MỸ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 – 2000)

I. Sự phát triển Kinh tế- khoa học kỹ thuật

Nội dung	Mĩ	Nhật Bản	Tây Âu
----------	----	----------	--------

Hoàn cảnh	Thuận lợi, không bị chiến tranh tàn phá	Bị chiến tranh tàn phá nặng nề, nghèo tài nguyên, thiếu lương thực, bị Mĩ chiếm đóng.	Bị chiến tranh tàn phá.
Giai đoạn khôi phục kinh tế	Không có giai đoạn khôi phục kinh tế	1945-1952. khôi phục kinh tế. <i>Được Mĩ giúp</i>	1945-1950. khôi phục kinh tế. <i>Được Mĩ giúp</i> (KH Mác san- KH Phục hưng châu Âu)
Giai đoạn kinh tế phát triển mạnh	1945-1973 →Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.	1952-1973. kinh tế phát triển nhanh 1960-1973 phát triển “thần kỳ”. - Vượt các nước Tây Âu, đứng thứ hai trong thế giới tư bản sau Mĩ. →Từ đầu những năm 70 trở đi, trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới	1950-1973 → Đến giữa những năm 70, trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính thế giới
Giai đoạn khủng hoảng	1973-1991. khủng hoảng, do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng→ khủng hoảng kinh tế thế giới		
Giai đoạn khôi phục	1991-2000 (học sinh đọc sách giáo khoa)		
Nguyên nhân phát triển kinh tế	Nguyên nhân chung. - Áp dụng hiệu quả các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại - Vai trò điều tiết, quản lý của nhà nước	- Nhân tố con người →quyết định. - Chi phí cho quốc phòng thấp. - Các công ty, tập đoàn tư bản có sức sản xuất, cạnh tranh lớn - <i>Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát</i>	- Hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu. - <i>Tận dụng tốt nguồn các cơ hội bên ngoài. viện trợ của Mĩ, nhập</i>

	- Các công ty, tập đoàn tư bản lũng đoạn có sức sản xuất, cạnh tranh lớn, hiệu quả.	<i>triển (viện trợ của Mĩ, chiến tranh VN, Triều Tiên.)</i>	nguyên liệu rẻ từ thế giới thứ ba.
Khoa học - kỹ thuật	- Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai. - Thập niên 90 chiếm 1/3 số lượng bằng phát minh sáng chế của thế giới.	- Nhật Bản coi trọng giáo dục và khoa học-kỹ thuật - Mua bằng phát minh sáng chế. - Tập trung vào lĩnh vực dân dụng.	Trình độ phát triển khoa học kỹ thuật cao, hiện đại.

II. Chính sách đối ngoại.

Nội dung	Mĩ	Nhật Bản	Tây Âu
1945-1991	Tổng thống Truman triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới. - Mục tiêu. + Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới xóa bỏ CNXH trên thế giới + Đàn áp phong trào cách mạng thế giới. + Không chế, chi phối các nước đồng minh. - Biện pháp. + Khởi xướng cuộc Chiến tranh lạnh. + Tiến hành nhiều cuộc bạo loạn, đảo chính và chiến tranh xâm lược. Việt Nam, Cu Ba, Trung Đông. + Hòa hoãn với Liên Xô, thỏa hiệp với Trung Quốc nhằm chia rẽ phong trào cách mạng thế giới.	- Nền tảng căn bản trong chính sách đối ngoại của Nhật là liên minh chặt chẽ với Mĩ. kỳ Hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật (1951). - Năm 1956, Nhật Bản bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô, gia nhập Liên hợp quốc.	- 1945 – 1950. Liên minh chặt chẽ với Mĩ. thành lập khối NATO; Chiến tranh tái chiếm thuộc địa, nhưng thất bại; Đổi đầu với Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu - 1950- 1973. + Một số nước tiếp tục liên minh với Mĩ. Tuy nhiên, quan hệ Mĩ - Tây Âu cũng đã diễn ra những trục trặc, nhất là quan hệ Pháp-Mĩ. + Đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, khẳng định ý thức độc lập. - 1973-1991. Quan hệ Đông –Tây Âu hòa dịu. +Tháng 8-1975 định ước Henxinki về an

	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả. + Không chế được các nước đồng minh. + Góp phần làm sụp đổ CNXH ở Liên Xô và Đông Âu. + Thất bại nặng nề trong nhiều cuộc chiến tranh ở Cu Ba, Việt Nam... - Tháng 12/1989, Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sau chiến tranh lạnh, mở rộng quan hệ với Tây Âu, chú trọng quan hệ với các nước châu Á và Đông Nam Á, ASEAN. 	<ul style="list-style-type: none"> ninh và hợp tác Châu Âu được ký kết. + Năm 1989 bức tường Béc-lin bị xóa bỏ, nước Đức tái thống nhất (1990).
1991-2000	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 1991, Tổng thống B.Clin-تون thực hiện chiến lược “Cam kết và mở rộng” với 3 mục tiêu. + Bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu. + Tăng cường khôi phục sức mạnh của nền kinh tế Mĩ. + Sử dụng ngọn cờ “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước. - Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Mĩ càng cố gắng thiết lập trật tự thế giới “đơn cực”, vươn lên chi phối, lãnh đạo thế giới, tuy nhiên còn gặp nhiều khó khăn. -1995, bình thường hoá quan hệ với Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục quan hệ với Mĩ, - Coi trọng quan hệ với Tây Âu. - Mở rộng hợp tác, nỗ lực vươn lên trở thành cường quốc chính trị để tương xứng với sức mạnh kinh tế. 	<ul style="list-style-type: none"> Có điều chỉnh chính sách đối ngoại. - Thay đổi tích cực. Anh vẫn liên minh chặt chẽ với Mĩ. Pháp, Đức đối trọng với Mĩ. - Mở rộng quan hệ với các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh, các nước Đông Âu và các nước SNG.

III. Liên minh châu Âu (EU)

1. Sự thành lập

- Ngày 18/4/1951, sáu nước. Pháp, Tây Đức, Bỉ, I-ta-li-a, Hà Lan, Lúc-xăm-bua thành lập “Cộng đồng than – thép châu Âu” (ECSC).

- Ngày 25/3/1957, sáu nước trên thành lập “Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu” và “Cộng đồng kinh tế châu Âu” (EEC)

- Ngày 1/7/1967, ba tổ chức trên hợp nhất thành “Cộng đồng châu Âu” (EC).

- Từ ngày 1/1/1993, đổi tên là Liên minh châu Âu (EU) với 15 nước thành viên.

- Năm 2007 là 27 nước.

2. Mục tiêu

Hợp tác liên minh giữa các thành viên về kinh tế, chính trị, đối ngoại và an ninh.

3. Hoạt động

- Tháng 6/1979, bầu cử nghị viện châu Âu đầu tiên.

- Tháng 3/1995. 7 nước Tây Âu bỏ kiểm soát đi lại qua biên giới đối với công dân.

- Ngày 1/1/1999 phát hành tiền chung Châu Âu (EURO).

- Tháng 1/2002 đồng EURO chính thức được sử dụng ở nhiều nước EU.

3. Vai trò (thành tựu)

Ngày nay, EU là tổ chức liên kết khu vực về kinh tế, chính trị lớn nhất hành tinh, chiếm hơn 1/4 GDP của thế giới.